

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HS-ST
Ngày: 16-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành
Ông Đặng Kim Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2018/TLST-HS ngày 24 tháng năm 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị Th; sinh năm 1978 tại xã B, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; cư trú tại: Thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (tên gọi khác Phạm Việt T) và bà Đỗ Thị L; có chồng là: Phan Văn Ch; có 5 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 11/6/2018, sau đó chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định (Có mặt).

2. Phan Văn Ch; sinh năm 1979 tại xã T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; cư trú tại: thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 5/12; nghề nghiệp: Tự do; tiền án, tiền sự: Không; con ông Phan Văn Kh (đã chết), con bà Trịnh Thị B (đã chết); có vợ là Phạm Thị Th; có 5 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011; bị bắt tạm giữ từ ngày 11/6/2018 sau đó chuyển biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ 20/6/2018 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2017, Phạm Thị Th Thê kiot số 34 mang tên “Đại Dương” tại khu du lịch bãi tắm Q, huyện G, tỉnh Nam Định của bà Nguyễn Thị Thanh Đ với giá 150.000.000 đồng/năm. Sau đó Kiot 34 đã được cấp giấy phép kinh doanh và đứng tên Phạm Thị Th. Từ giữa tháng 5/2018, lợi dụng việc kinh doanh nhà nghỉ, ăn uống, Th tổ chức chứa mại dâm ngay tại kiot để Th lợi bất chính. Th nuôi 3 gái mại dâm, gồm: Lò Thị Ch (tên gọi khác là Ch1) sinh năm 1995 trú tại xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; Moong Thị L sinh năm 30/11/2003 trú tại xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An và Lò Thị H sinh năm 1994 trú tại xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Ngoài ra theo lời khai của Th và tài liệu Th được, Th còn nuôi thêm 2 gái mại dâm tên H và Th1 nhưng chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. Đối với hoạt động mại dâm ngay tại kiot 34, Th thỏa thuận Th của khách 200.000đ/1 lượt bán dâm nhanh và 600.000đ/1 lần qua đêm, chia cho gái bán dâm một nửa số tiền Th được. Đối với hoạt động bố trí bán dâm tại các kiot khác, Th thỏa thuận Th của các chủ kiot khác 110.000đ/1 lượt bán dâm nhanh và 400.000đ-500.000đ/1 lần qua đêm. 1 lượt bán dâm nhanh tại kiot khác, Th trả cho gái bán dâm 60.000đ còn bán dâm qua đêm thì chia đôi số tiền Th được. Các lần bố trí gái đi bán dâm, Th đều ghi chép vào quyển sổ để theo dõi, thanh toán tiền cho các gái mại dâm. Trong cuốn sổ, mỗi lần bán dâm nhanh tại kiot 34, Th ghi “nhà” đánh dấu “x” còn các kiot, nhà nghỉ khác thì ghi số kiot hoặc tên nhà nghỉ, đánh dấu “x”; còn với mỗi lần bán dâm qua đêm thì Th ghi thêm “qd” vào trước.

Ngày 8/6/2018, Phan Văn Ch đưa 5 con từ Hà Tĩnh ra kiot 34 để nghỉ hè. Trong thời gian này, Ch biết việc Th tổ chức hoạt động chứa mại dâm ngay tại kiot 34 và thỏa thuận Th của khách 200.000đ/1 lượt. Khoảng 15h ngày 11/6/2018, trong lúc Ch đang ở phía ngoài kiot 34 thì có anh Trần Duy Kh1 đến đặt vấn đề mua dâm. Do Th đang ở phía sau nên Ch tự ý thỏa thuận với Kh1 thu 200.000đ và bố trí Lò Thị H đưa Kh1 vào phòng số 01 tại kiot 34 để quan hệ. Sau đó, Ch không đưa tiền vừa nhận của Kh1 cho Th.

Khi Th ra ngoài kiot thì biết việc Ch vừa bố trí mua bán dâm cho khách cùng Lò Thị H. Lúc này Đặng Đình T1; trú tại đường Pt, phường N, thành phố N đi cùng với Trần Văn D; trú tại 659 đường T đến kiot 34 đặt vấn đề với Th tìm gái mại dâm để quan hệ. Th báo giá 200.000đ/1 lượt thì Trần Văn D đã trả cho Th 430.000đ, trong đó 400.000đ tiền mua dâm cho 2 người và 30.000đ tiền bia. Cùng lúc, Kh1 với H đã quan hệ xong, Kh1 ra ngoài uống nước, nên Th bố trí H với T1 vào phòng số 03 để quan hệ, còn D vào phòng số 02 để chờ. Sau đó, Th sang kiot 48 thấy Nguyễn Thị Ng là nhân viên kiot 48 đang ngồi ở ngoài, Th đặt vấn đề bán dâm với Ng. Do chủ kiot 48 đang đi vắng nên Ng tự ý theo Th sang kiot 34 để bán dâm mà không thông báo cho chủ kiot 48 biết. Khi đến kiot 34, Ng vào phòng số 02 nhưng bị D chê xấu không đồng ý quan hệ, đuổi ra Ng ngoài. Khi Ng chưa kịp ra khỏi phòng, Tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự vào kiểm tra, bắt quả tang Đặng Đình T1 đang quan hệ tình dục với H tại phòng số 03, Trần Văn D cùng gái mại dâm Nguyễn Thị Ng trong phòng số 02

Đối với Phạm Thị Th, trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra (Sau đây viết tắt là CSĐT) Công an tỉnh Nam Định đã xác định ngoài hành vi chứa mại dâm bị bắt quả tang ngày 11/6/2018 thì Th còn thực hiện nhiều lần chứa mại dâm tại kiot 34 và các kiot xung quanh khác. Mỗi lần bố trí bán dâm, Th đều ghi vào quyển sổ để quản lý, thanh toán tiền cho các gái mại dâm. Cơ quan CSĐT đã cho giám định chữ viết trên quyển sổ, kết quả trùng khớp với chữ viết của Phạm Thị Th. Theo nội dung ghi tại quyển sổ, Th bố trí tổng cộng 105 lần bán dâm nhanh, 7 lần bán dâm qua đêm tại kiot 34, chiếm hưởng bất chính số tiền 12.600.000đ. Ngoài ra, H, Ch, L đều khai nhận đã tự nguyện đến xin Th làm gái mại dâm tại kiot 34. Đối với gái mại dâm Moong Thị L, sinh ngày 30/11/2003 tính đến ngày bắt quả tang, L mới được 14 tuổi 6 tháng 12 ngày. Khi L đến kiot xin làm gái mại dâm, L giới thiệu sinh năm 1998 và không có giấy tờ tùy thân nào. Dù không biết rõ tuổi thật của L, Th vẫn điều hành, sắp xếp cho L đi bán dâm cho khách. Theo tài liệu, Th đã bố trí, sắp xếp cho L bán dâm 38 lần ngay tại kiot 34.

Đối với Phan Văn Ch, theo tài liệu điều tra, lời khai của các gái bán dâm, lần bố trí Lò Thị H bán dâm cho khách vào chiều 11/6/2018 tại phòng số 01 kiot 34 là lần đầu tiên Ch thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với chủ kiot 48 là Vũ Thị V, do chiều ngày 11/6/2018 V không có mặt tại kiot 48 nên V khai không biết việc Ng sang kiot 34 bán dâm cho khách, mà do Ng tự ý đi. V cho biết tại kiot 48 không tổ chức hoạt động chứa mại dâm và không có quan hệ làm ăn gì với Phạm Thị Th. Lời khai của V phù hợp với lời khai của Phạm Thị Th và gái mại dâm Ng nên Cơ quan CSĐT không đủ căn cứ để xử lý với Vũ Thị V.

Theo cuốn sổ mà Cơ quan CSĐT thu được, Th đã điều hành bố trí 5 gái mại dâm đi bán dâm tại các kiot, nhà nghỉ quanh bãi tắm Q, thị trấn Q, huyện G. Tuy nhiên, các kiot, nhà nghỉ, khách sạn liên quan không thừa nhận việc tổ chức hoạt động mại dâm nói trên. Theo lời khai của Phạm Thị Th, khi các kiot, nhà nghỉ gọi điện yêu cầu bố trí gái bán dâm, chỉ nói tên kiot, không biết ai gọi và việc thu tiền đều do gái bán dâm Th nên Th cũng không biết cụ thể ai đưa tiền. Vì thế, chưa đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của các chủ kiot nêu trên, nên cơ quan CSĐT tách phần tài liệu liên quan để tiếp tục xác minh.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt tiền cho các bị cáo vì hoàn cảnh gia đình các bị cáo quá khó khăn. Bị cáo Phan Văn Ch xin được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc 5 con còn nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi đánh giá vị trí, vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với từng bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, điểm a khoản 3 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sau đây viết tắt là BLHS năm 2015), xử phạt bị cáo Th từ 7 năm đến 8 năm tù về tội “Chứa mại dâm”. Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2 Điều 65, khoản 1 Điều 327 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Phan Văn Ch từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội

“Chứa mại dâm” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị miễn hình phạt tiền cho các bị cáo và căn cứ Điều 47 của BLHS, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (Sau đây viết tắt là BLTTHS năm 2015) để xử lý vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản Th giữ vật chứng; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15h ngày 11/6/2018, Phan Văn Ch đã thỏa thuận giá cả và bố trí Lò Thị H vào phòng số 01 để bán dâm cho Trần Duy Kh1. Sau đó, có Đặng Đình T và Trần Văn D đến đặt vấn đề với Th tìm gái bán dâm, Th thỏa thuận và thu của D 400.000đ/2 người và 30.000đ tiền bia. Th sắp xếp T và H vào phòng số 03 rồi sang kiot 48, gọi gái bán dâm Nguyễn Thị Ng đến. Trong khi đôi nam nữ tại phòng số 03 đang quan hệ tình dục, còn đôi nam nữ tại phòng số 02 chưa kịp quan hệ thì bị tổ công tác Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định bắt quả tang. Ngoài ra, từ khoảng giữa tháng 5/2018, lợi dụng việc kinh doanh dịch vụ ăn uống và cho thuê phòng nghỉ tại kiot 34, Phạm Thị Th đã nuôi một số gái mại dâm ngay tại kiot để tổ chức các hoạt động mua bán dâm nhằm thu lợi bất chính, trong số đó có gái mại dâm Moong Thị L sinh ngày 30/11/2003. Tổng cộng, Th đã bố trí, sắp xếp 112 lần bán dâm, thu lợi bất chính 12.600.000đ. Hành vi sử dụng nhà nghỉ do mình quản lý để tổ chức cho gái bán dâm thực hiện hành vi mua bán dâm nhằm thu lợi bất chính của Phạm Thị Th đã phạm vào tội “Chứa mại dâm”. Trong đó có gái mại dâm dưới 16 tuổi nên tội phạm và hình phạt đối với Phạm Thị Th được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 327 BLHS năm 2015. Đối với Phan Văn Ch, mặc dù không có sự bàn bạc, thống nhất ý chí với Th, nhưng Ch đã tự bố trí cho một đôi nam nữ thực hiện hành vi mua bán dâm ngay tại kiot 34, hành vi đó của Ch đã phạm vào tội “Chứa mại dâm”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 BLHS năm 2015. Nên, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam, chà đạp lên phẩm giá con người, làm cho những giá trị thiêng liêng và khuôn khổ đạo đức dần mất đi, xúc phạm đến lòng tự tôn dân tộc, gây hoen ố hình ảnh văn hoá quốc gia, là một trong

những nguyên nhân làm lây truyền các căn bệnh xã hội, gián tiếp ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, sức khỏe con người và hạnh phúc của các gia đình. Các bị cáo nhận thức được hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, nên cần phải được trừng trị nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhằm đáp ứng yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng: Đối với Phạm Thị Th có hành vi phạm tội nhiều lần. Trong đó có gái mại dâm dưới 16 tuổi, nên cần phải được xử lý nghiêm khắc mới đủ khả năng trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét về việc bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối hận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo đã có tác động đến gia đình và ngày 15/10/2018 gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo số tiền thu lợi bất chính 12.600.000đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Như vậy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng bị tai nạn lao động, sức khỏe yếu cùng là bị cáo trong vụ án. Hơn nữa, việc bị cáo có hành vi bố trí xấp xếp cho gái mãi dâm Moong Thị L mua bán dâm khi Moong Thị L chưa đủ 16 tuổi bị áp dụng tình tiết tăng nặng định khung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 327 một phần do gái mãi dâm nói dối tuổi, nói dối việc bị mất giấy tờ và trong điều kiện hoàn cảnh gái mãi dâm đã qua một đời chồng nên khó nhận biết về tuổi. Cần áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[5] Đối với Phan Văn Ch, có hành vi bố trí cho 01 gái bán dâm thực hiện hành vi mua bán dâm. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm p, s khoản 1, Điều 51 BLHS năm 2015, đồng thời bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 do hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn đã được chính quyền địa phương xác nhận, hiện bị cáo đang trực tiếp nuôi 5 con nhỏ, có mối quan hệ vợ chồng với bị cáo Phạm Thị Th trong vụ án. Bản thân bị cáo đã từng bị tai nạn lao động, sức khỏe yếu, bố bị cáo có nhiều thành tích trong công tác được UBND tỉnh tặng Bằng khen. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đối chiếu các tiêu chuẩn điều kiện tại hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thấy có đủ điều kiện để áp dụng các khoản 1, 2 Điều 65 BLHS năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ răn đe giáo dục, đáp ứng công tác phòng ngừa tội phạm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Nam Định, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Phạm Thị Th hoàn cảnh gia đình khó

khẩn nhưng phạm tội với mục đích tư lợi và đã phạm tội rất nhiều lần, cần phạt tiền bị cáo 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đối với bị cáo Phan Văn Ch lần đầu phạm tội, thực tế chưa được hưởng lợi, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Cần truy Th số tiền 12.600.000 (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) bị cáo Phạm Thị Th chiếm hưởng bất hợp pháp từ hành vi chứa mại dâm là để sung quỹ Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Nokia RM-1035 đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Thị Th, bị cáo thừa nhận đã sử dụng để gọi điện cho gái mãi dâm, là phương tiện phạm tội, cần tịch Th hoá giá sung quỹ Nhà nước; 01 điện thoại di động Samsung cảm ứng đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Phan Văn Ch, không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo; số tiền 1.430.000đ thu giữ của bị cáo Phan Văn Ch, trong đó có 200.000đồng là tiền của khách mua dâm trả, được xác định là tiền Th lời bất chính nên tuyên tịch Th sung quỹ Nhà nước, số tiền còn lại là tiền riêng cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội, cần tuyên trả lại cho bị cáo Phan Văn Ch; số tiền 430.000đ Th giữ của bị cáo Th trong đó 400.000đ là tiền do phạm tội mà có, cần tịch Th sung quỹ Nhà nước; số tiền 30.000.000đ là tiền bia không phải là tiền do phạm tội mà có tuyên trả lại cho bị cáo Th nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án; trả lại cho bị cáo Phạm Thị Th 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và 01 hợp đồng Thê kiot mang tên Phạm Thị Th; tịch thu tiêu hủy số bao cao su đã sử dụng và chưa sử dụng; 01 quyển sổ ghi chép kích thước 20x15cm không bìa, giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự đã Th giữ của Phạm Thị Th vì không còn giá trị sử dụng và không còn phù hợp thực tế.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 327 BLHS năm 2015,

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Th và Phan Văn Ch phạm tội “Chứa mãi dâm”;

2. Căn cứ vào các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, điểm a khoản 3 Điều 327 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Thị Th 7 (Bảy) năm tù; thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 11/6/2018;

Căn cứ vào các điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2 Điều 65, khoản 1 Điều 327 BLHS năm 2015, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử phạt bị cáo Phan Văn Ch 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Phan Văn Ch cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Phan Văn Ch thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

3. Phạt tiền bị cáo Phạm Thị Th 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phan Văn Ch;

4. Truy Th của bị cáo Phạm Thị Th số tiền 12.600.000đ (Người thân của bị cáo là Bùi Ngọc Đ đã nộp thay số tiền trên cho bị cáo theo Biên lai thu tiền số 0001136 ngày 15/10/2018 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định);

5. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015,

- Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia RM-1035 đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Thị Th;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ Th giữ của bị cáo Th, 200.000đ của bị cáo Phan Văn Ch;

- Tuyên trả lại cho bị cáo Phan Văn Ch 01 điện thoại di động Samsung cảm ứng đã qua sử dụng; số tiền 1.230.000đ (Một triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng);

- Tuyên trả lại cho bị cáo Phạm Thị Th 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 01 hợp đồng thuê kiot mang tên Phạm Thị Th; tuyên trả lại cho bị cáo Phạm Thị Th 30.000.000đ (Ba mươi ngàn đồng), nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án;

- Tịch thu tiêu hủy 2 bao cao su đã qua sử dụng; 20 bao cao su chưa qua sử dụng; 1 quyển sổ ghi chép kích thước 20x15cm không bìa, giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự đã thu giữ của Phạm Thị Th. (Vật chứng đang được quản lý tại kho vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/9/2018; biên lai Th tiền số 0001136 ngày 15/10/2018 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định; Ủy nhiệm chi số 01 ngày 17/9/2018 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định);

6. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND+VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- UBND xã X, huyện N ;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết